

LỤC VIỆN VÀ CUNG PHI MỸ NỮ TRIỀU NGUYỄN

Lê Thị Toán*

Lục Viện bao gồm các viện được các vua nhà Nguyễn cho lần lượt xây dựng làm nơi ăn ở cho các bà phi tần trong Tử Cấm Thành. Từ trước đến nay, một số tác giả như Thái Văn Kiểm, Nguyễn Đắc Xuân, Tôn Thất Bình đều cho rằng, Lục Viện là bao gồm 6 viện nên mới có tên gọi này. Tra cứu trong sử nhà Nguyễn thì Lục Viện không phải chỉ có 6 viện dành cho cung tần mỹ nữ mà tùy theo từng thời kỳ, số lượng các viện không giống nhau, nhiều nhất là dưới thời Thiệu Trị có đến 11 viện và 1 điện.

Thực ra Lục Viện 六院 cũng gọi là Lục Uyển 六苑 đều chỉ chung cung viện mà hậu phi ở, cũng là từ gọi chung các hậu phi. Khái niệm về Lục Cung (Lục Viện) này được dùng phổ biến ở Trung Quốc, đến đời Đường không phải dùng chỉ một mình hoàng hậu mà gọi tổng quát cho hậu phi. Từ đời nhà Minh về sau gọi chung hậu phi là Tam Cung Lục Viện. Tam Cung Lục Viện đều xuất phát từ kiến trúc của Cố cung mà hình thành nên. Từ thời Minh, Thanh cụm kiến trúc được gọi là Lục Viện trên thực tế không phải để chỉ số lượng của 6 cung (viện) mà có Đông Tây lục cung gồm 12 cung.⁽¹⁾ Vì các cung đều có kiểu kiến trúc đình viện (sân-vườn) nên gọi là “Lục Viện”.

Do kiến trúc của Hoàng cung Huế có nhiều nét tương đồng với Cố cung Trung Quốc, nên kiến trúc Lục Viện trong Tử Cấm Thành cũng có phần giống với Lục Viện của Cố cung Bắc Kinh. Lục Viện là khu vực để cho các cung phi mỹ nữ ở nhưng không phải lúc nào cũng có 6 viện. Dưới thời Gia Long Lục Viện chỉ có viện Thuận Huy và điện Trinh Minh (xây năm 1810 dành cho các bà nhất, nhị giai phi), thời Minh Mạng có 6 viện, đến đầu thời Thiệu Trị sau khi xây thêm hai viện Đoan Thuận, Đoan Hòa (1843) thời điểm này Lục Viện đã lên đến 11 viện và điện Trinh Minh. Bao gồm các viện: Thuận Huy, Tân Trang, Lý Thuận, Đoan Huy, Đoan Trang, Đoan Tường, Đoan Chính, Đoan Thuận, Đoan Hòa, Đông Tông, Tây Tông.

Nếu tính cả điện Trinh Minh - chỗ ở dành cho các bà nhất, nhị giai phi - thì Lục Viện cũng có số lượng là 12 cung, viện tương tự như Lục Viện của cố cung Bắc Kinh. Điều này cũng phù hợp với kiến trúc trong Hoàng cung thường lấy con số 9 làm quy chế xây dựng, ở Lục Viện lại dùng số 6 phù hợp với cách nói “hậu lập lục cung”.

Sử triều Nguyễn cho biết, năm Gia Long thứ 9 (1810) dựng viện Thuận Huy⁽²⁾ ở phía tây của sân sau điện Càn Thành, dành cho các bà tần (tam và tứ giai tần) ở. Hơn 10 năm sau, vào năm Minh Mạng thứ 2 (1821) mới tiếp tục cho dựng viện Đoan Trang, hướng tây, viện có 5 cửa là: Đoan Gia, Ngưng Thụy, Thừa Ân, Phồn Chi, Diên Phúc. Năm Minh Mạng thứ 3 (1822) lại dựng tiếp viện Đoan Tường, hướng đông, viện có 5 cửa là: Tường Giai, Tăng

* Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế.

Thụy, Đàm Ân, Gia Chỉ, Tích Phúc. Năm Minh Mạng thứ 8 (1827) cho dựng viện Đoan Huy theo hướng nam, nằm ở phía bắc hiên tây,⁽³⁾ ngay phía tây điện Cao Minh Trung Chính.

Năm Minh Mạng thứ 10 (1829) cùng với việc cho sửa chữa điện Trinh Minh, vua Minh Mạng cho sửa lại viện Thuận Huy, lợp lại mái, do Giám tu Trần Văn Cường, Nguyễn Văn Trọng, Nguyễn Văn Bảng, Chuyên biện là Vệ úy Vũ Văn Từ, Hoàng Văn Trạm, Phó vệ úy Lê Văn Thảo, Bùi Công Huyền, thự Phó vệ úy Quách Đạo Lâm phụ trách, làm xong đều được thưởng.⁽⁴⁾ Năm Thiệu Trị thứ 3 (1843) viện Thuận Huy lại được tu bổ và cho làm thêm cửa kính.⁽⁵⁾ Năm Minh Mạng thứ 11 (1830) cho dựng lại viện Đoan Trang và sửa chữa hai viện Đoan Chính, Đoan Tường.⁽⁶⁾

Năm Minh Mạng thứ 18 (1837) cho làm viện Lý Thuận trong Đại Nội.⁽⁷⁾ Đến năm Minh Mạng thứ 22 (1841, Thiệu Trị nguyên niên, chưa đổi niên hiệu), dỡ bỏ hai viện Lý Thuận và Đoan Trang dời vào làm ở vườn Vĩnh Trạch sau cung, gọi là Tả Hữu Tòng Viện; nhà hậu đường gọi là Đông Tây Tòng Viện để làm chỗ ở cho các cung nhân của triều trước.⁽⁸⁾

Năm Thiệu Trị thứ 3 (1843), dựng viện Đoan Thuận nằm ở bên trong cửa Gia Tường, phía bắc của hành lang dài. Viện Đoan Thuận xây hướng nam, có 7 cửa là: Hanh Cát, Đoan Trinh, Phúc Khánh, Gia Trinh, An Hòa, Tích Phúc, Đàm Trạch. Đến năm Thiệu Trị thứ 6 (1846) dựng viện Đoan Hòa trên nền cũ của viện Lý Thuận bên trong cửa Gia Tường, phía nam hành lang dài. Viện Đoan Hòa xây hướng bắc, có 7 cửa là: Tuy Hòa, Lý Hòa, Túc Hòa, Đức Hòa, Đôn Hòa, Trinh Hòa, Thuận Hòa.⁽⁹⁾

Trong sơ đồ về Hoàng Thành Huế của A. Laborde vẽ, đăng trên tạp chí



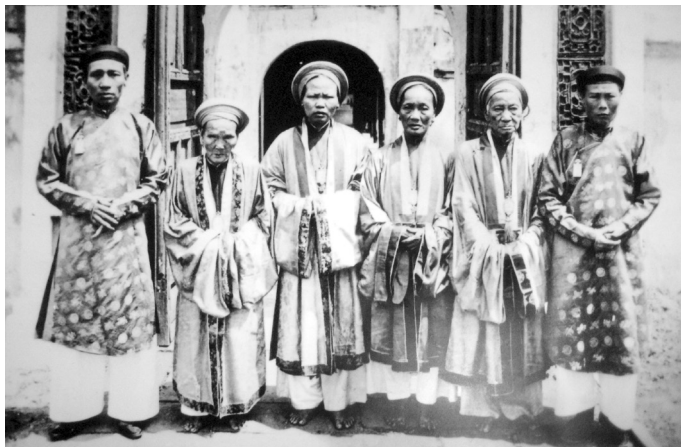
Khu vực Lục Viện nay chỉ còn là những bãi đất trống nằm dọc theo Trường lang (HL-04) mới được trùng tu. Ảnh LTT.

BAVH năm 1928 có chú thích danh sách của các cung điện trong Đại Nội, vị trí 32b là Tần Trang Viện - nơi ở của các bà tần. Tuy nhiên, chúng tôi chưa tìm ra trong sử nhà Nguyễn cho biết viện này được xây dựng vào thời điểm nào. Sau biến cố tháng 2/1947, Tần Trang Viện đã bị cháy hoàn toàn và được ông Nguyễn Bá Chí, chuyên viên của Trường Viễn Đông Bác Cổ (EFEO) báo

cáo trong bản tường trình về tình trạng Hoàng cung ở Huế.⁽¹⁰⁾

Lục Viện là chỗ ở của các bà bậc Tần, Tiếp dư (Tiệp dư), Tài nhân, Mỹ nhân, Quý nhân cùng Tài nhân vị nhập giai. Đây được xem là một thế giới riêng biệt dành cho cuộc sống của các cung phi trong cung cấm, ngăn cách họ với thế giới bên ngoài. Bởi từ khi được tiến cung, các phi tần không được phép gặp gỡ người thân, dù là cha mẹ. Ngoại trừ trường hợp vua cho phép mới được gặp mẹ, nói chuyện qua bức màn sáo che. Cuộc sống của họ là ở trong cung, hàng ngày có 30 cung nữ hầu vua, chia nhau canh gác, chỉ có 5 người luôn ở cạnh vua để trang điểm, thay quần áo, chải tóc, vấn khăn... Khi vua ngủ 5 người này hầu quạt, tằm trầu, vấn thuốc... Theo Ch. Gosselin trong *L'Empire d'Annam* cho biết, lúc vua Tự Đức còn tại vị, hàng ngày có 43 bà phục dịch trong nội đình, 30 bà giữ việc canh gác cho vua, 13 bà lo việc chải tóc, mặc áo, trau chuốt móng tay, vấn và thắp thuốc, mài son, thắm bút cho vua châu phê các tấu sớ. Các cung phi chỉ được ra khỏi cung sau khi vua băng hà, nhưng chỉ được lên lăng của vị vua đó hay đi tu mà thôi, không được tái giá với bất kỳ người đàn ông nào, cho dù khi vua băng hà một số cung phi vẫn còn trong độ tuổi thanh xuân. Sau khi vua Tự Đức băng hà (1883) có đến 103 bà lên ở tại Khiêm Lăng để hương khói cho vua.

Trong thời gian trị vì của các đời vua Nguyễn, các cung phi được hai lần cho



Các cung nữ và quan Thái giám

ra khỏi cung do hai sự kiện khá đặc biệt. Lần thứ nhất là vào năm Minh Mạng thứ 6 (1825), mùa xuân, tháng giêng, trong kinh kỳ ít mưa, nhà vua thấy hạn làm lo, chỉ dụ cho quan Thượng bảo khanh là ông Hoàng Quýnh rằng: *"Hai ba năm trở lại đây, hạn hán liên tiếp, Trẫm nghĩ vì đâu mà đến thế, nhưng chưa tìm ra nguyên nhân; hoặc là trong thâm cung, cung nữ nhiều, nên âm khí uất tắc mà nên vậy*

ư? Nay bớt đi, cho ra một trăm người ngô hầu có thể giải trừ thiên tai vậy".

⁽¹¹⁾ Lần thứ hai là năm 1885, khi người Pháp đánh chiếm kinh đô Huế, tất cả các cung phi mỹ nữ đều chạy ra khỏi Hoàng Thành, nhiều người trong số họ đã về quê trở lại cuộc sống thường dân. Một số cung phi sau khi đi lánh nạn đã quay trở lại Hoàng cung tiếp tục cuộc sống nơi cung cấm.

Từ năm Minh Mạng thứ 17 (1836), các phi tần trong cung được sắp xếp theo Cửu giai - 9 bậc ở nội cung: Nhất giai phi, Nhị giai phi, Tam giai tần, Tứ giai tần, Ngũ giai tiếp dư, Lục giai tiếp dư, Thất giai quý nhân, Bát giai mỹ nhân, Cửu giai tài nhân. Dưới Tài nhân là Tài nhân vị nhập giai (những

người đang chờ đợi được tuyển vào làm Tài nhân). Kế dưới là cung nhân, cung nga, thể nữ. Tùy theo cấp bậc, các cung phi được sắp xếp chỗ ở trong Lục Viện. Điện Trinh Minh là nơi ở của các bà Nhất, Nhị giai phi, viện Thuận Huy dành cho các bà Tần (tam, tứ giai Tần). Các bà Tiếp dư (Ngũ giai, Lục giai tiếp dư) ở viện Đoan Huy. Các viện còn lại như Đoan Trang, Đoan Tường, Đoan Chính, Đoan Hòa, Đoan Thuận là chỗ ở của các bà Quý nhân, Mỹ nhân, Tài nhân, Tài nhân vị nhập giai và cung nữ.



Bà Tiên cung Dương Thị Thục (mẹ vua Khải Định) và các cung nữ tại cung Trường Sanh.

Cuộc sống của phi tần trong Tử Cấm Thành rất nhàn hạ, Michel Đúc Chaigneau từng có nhận xét về sinh hoạt của các cung phi: *“Vừa dựa mình vào những chiếc gối xếp chồng chất trên chiếu hay trên các tấm thảm, họ vừa chuyện trò, chơi bời, ca hát, hút thuốc và uống trà”*.⁽¹²⁾ Ngoài ra, họ cũng tiêu tốn thì giờ vào việc giải trí, hóng mát, xem hoa ở các vườn thượng uyển, câu cá ở Trường Du Tạ. Một số cung phi có trình độ học vấn có thể làm thơ, đọc truyện Tàu. Tuy nhiên, mức sống cao hay thấp, lương hưởng của các phi tần tùy theo cấp bậc và sự sủng ái của vua.

Từ năm Gia Long thứ nhất (1802) đã định rõ lương hưởng của các phi tần, bậc 1: lương năm, 300 quan tiền, 180 phượng gạo (trong đó có 12 phượng gạo trắng, 1 phượng tương đương 30 đấu, mỗi đấu chứa khoảng 1 lít), thấp dần đến bậc 7 chỉ bằng 1/2 bậc 1. Đến năm Minh Mạng thứ 17 (1836) số lương bổng này tăng lên gấp rưỡi. Năm Thành Thái thứ 2 (1890) được chuẩn:

“Phi tần thuộc các tiền triều, hiện triều từ bậc trên nhất giai cho đến thị nữ đều chiếu theo lệ cũ (thời Minh Mạng, Tự Đức) mà tăng gấp đôi.

Bậc trên nhất giai, bổng cả năm 6.200 quan tiền; nhất giai, bổng cả năm 4.500 quan tiền; nhị giai, bổng cả năm 3.700 quan tiền; tam giai, bổng cả năm 3.320 quan tiền; tứ giai, bổng cả năm 2.660 quan tiền; ngũ giai, bổng cả năm 2.320 quan; lục giai, bổng cả năm 2.000 quan; thất giai, bổng cả năm 1.736 quan tiền; bát giai, bổng cả năm 1.320 quan tiền; cửu giai, 1.032 quan tiền; vị nhập giai, bổng cả năm 912 quan tiền; cung nhân, bổng cả năm 810 quan tiền; cung nga, bổng cả năm 624 quan tiền; thị nữ, bổng cả năm 432 quan tiền”.⁽¹³⁾

Như vậy, có thể thấy cuộc sống của các phi tần sung túc nhiều hay ít đều do cấp bậc được phong. Nếu so với cung nữ thì đã thấy sự cách biệt rất lớn về lương bổng.

Cuộc sống của các phi tần đều được triều đình lo liệu chu đáo từ khi họ được tiến cung cho đến khi về thế giới bên kia. Thời Thành Thái không chỉ

tăng lương bổng cho cung phi mà còn định lệ chu cấp cho các phi tần đến thị nữ tiền triều khi họ mất. *“Nguyên cấp các thứ vải lụa, dầu đèn và tiền bạc, đến triều Đồng Khánh, Bộ Lễ nghị chuẩn cấp tiền khá ít, khi có việc không đủ để lo liệu. Nay lệnh cho các quan ở Thị Vệ Xứ tùy theo cấp bậc trong cung, cấp thêm tiền cho thích hợp”*.⁽¹⁴⁾ Sau đó, việc chi cấp lo liệu cho tang lễ của phi tần hiện triều, tiền triều đều được tăng lên gấp rưỡi.

Việc phân biệt thứ bậc của các phi tần không chỉ thể hiện qua lương bổng mà cả sách phong, trang phục cũng được quy định rất rõ ràng. Đối với *“sách phong của 6 phi thì nền bạc mạ vàng, sách của Cung tần và Tiếp dư, Quý nhân, Mỹ nhân, Tài nhân thì làm bằng bạc”*.⁽¹⁵⁾

Năm Gia Long thứ 6 (1807) ban mũ áo cho:

Cung tần bậc nhì, mũ 5 con phượng, cặp tóc bằng vàng 1 chiếc, trâm hoa 10 chiếc, áo sa sồi tơ màu đỏ dệt đoàn loan nhật bình 1 chiếc. Xiêm bằng tơ đậu 8 sợi, màu trắng, dệt đoàn loan 1 chiếc.

Cung tần bậc ba: mũ con phượng, cặp tóc bằng vàng 1 cái, trâm hoa 8 cái. Áo sa sồi sắc tía chính, dệt đoàn loan nhật bình 1 chiếc. Xiêm bằng tơ đậu 8 sợi, màu trắng, dệt đoàn loan.

Cung tần bậc bốn: mũ con phượng, cặp tóc bằng vàng 1 chiếc, trâm hoa 8 chiếc, áo sa sồi tơ sắc tía nhạt, dệt đoàn loan nhật bình 1 chiếc. Xiêm bằng tơ đậu 8 sợi, màu trắng, dệt chim loan 1 chiếc.

Năm Thiệu Trị thứ 6 (1846) quy định: Cung tần bậc nhất, bậc nhì: mũ phượng bằng vàng, đều 3 bậc sơn. Duy bậc nhất 8 con phượng, bậc nhì 7 con phượng, bậc 3 trên búi tóc có trâm con phượng, bậc tứ giai, ngũ giai trên búi tóc không có trâm như thế để phân biệt.⁽¹⁶⁾

Tuy có được điều kiện vật chất sung túc, nhàn hạ, nhưng cuộc sống của cung phi chỉ diễn ra trong Tử Cấm Thành, họ cũng không được can dự vào công việc triều chính. Năm Tự Đức thứ 16 (1863) có dụ: *“Từ xưa các đế vương đối với thân thích của nội cung tất nghĩ đến cách khéo xử để bảo toàn, cũng để tỏ chí công vô tư, với thâm ý dự phòng họa hoạn... Về sau phạm thân thích chốn nội cung từ bậc phi tần trở lên, không được dự chính sự. Đời sau có người làm trái, các quan tuân theo thành điển, đem lời nói này của trẫm tâu lên để không làm thế. Lệnh mang dụ này sao ra giao cho Sử Quán cất giữ, để lại cho đời sau”*.⁽¹⁷⁾

Đến cuối triều Nguyễn, số lượng cung phi mỹ nữ cũng giảm dần (thời Khải Định 9 người, Bảo Đại không có) nên Lục Viện không còn là chốn thâm cung bí sử với nhiều cung tần và thế giới riêng nơi hậu cung nữa.

Theo bà Lê Thị Dinh, người đã từng ở trong cung từ năm 1928-1954, thì các phi tần tiền triều đều được vua Bảo Đại cho ra khỏi cung từ trước đó (khoảng năm 1935-1936). Chỉ có hai bà phi tần của vua Khải Định là bà Tân Diễm-Tân giai phi Nguyễn Thị Bạch Liên và bà Tiếp dư Trần Thị Khuê tình nguyện ở lại hương khói ở điện Phụng Tiên. Năm 1954 bà Tiếp dư đi tu ở chùa Hồng Ân. Lục Viện những năm cuối của triều Nguyễn không có

chủ nhân nên các công trình kiến trúc cũng hư hỏng dần, triều đình đã cho tháo dỡ để làm công trình khác.⁽¹⁸⁾

Di tích Lục Viện khi còn nguyên vẹn có tới 12 viện, điện, nhưng trong thời gian tồn tại gần 200 năm, do sự tác động của thời gian, điều kiện khí hậu khắc nghiệt, chiến tranh, con người đã làm cho nhiều công trình bị hư hỏng. Theo bản tường trình của ông Nguyễn Bá Chí, chuyên viên của Trường Viễn Đông Bác Cổ (EFEO) trong cuộc điều tra về các cung điện ở Huế đến ngày 14/9/1947 thì khu di tích Lục Viện chỉ còn hai viện Đoan Trang và Đoan Huy là không bị cháy sau biến cố tháng 2/1947.⁽¹⁹⁾ Hai viện này có lẽ được dỡ bỏ trong thời gian vua Bảo Đại trở lại Việt Nam làm Quốc trưởng, lúc này các kiến trúc thuộc Lục Viện trong Tử Cấm Thành không còn chức năng sử dụng.

Di tích Lục Viện nay chỉ tồn tại dưới dạng phế tích, chỉ còn một vài viện có hình hài của nền móng mà thôi. Hơn nữa, trong một thời gian dài do chiến tranh nên các điều kiện kinh tế và xã hội cũng giảm sút, di tích không phải là ưu tiên hàng đầu, nên thiếu sự chăm nom, bảo vệ và tu bổ cần thiết, thường xuyên của con người, thậm chí còn bị chính bàn tay con người phá hủy một cách trầm trọng trong một vài thời điểm lịch sử. Di tích Lục Viện còn thêm một nguyên nhân nữa để trở thành phế tích như ngày nay, đó là vào các đời vua sau này, cung tần mỹ nữ tuyển vào cung cũng ít dần, nên viện nào bị hư hỏng thì dỡ bỏ, đưa vật liệu đi làm các công trình khác.⁽²⁰⁾

Hiện nay, Lục Viện chỉ còn tồn tại với sự hiện hữu của hệ thống chân tảng của một số viện, các viện khác chỉ còn là đất trống, nên việc bảo quản chỉ dừng lại ở mức bảo quản diệt cỏ ở khu vực này mà thôi. Một số viện còn hệ thống chân tảng, một phần nền móng bị ngập trong đất, bị phong hóa, nứt vỡ, rêu cỏ xâm lấn... rất khó để bảo vệ di tích khi phần xuất lộ của công trình là rất ít.

Trong đợt điều tra, thám sát khảo cổ học hệ thống trường lang trong Tử Cấm Thành do Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế và Bảo tàng Lịch sử Việt Nam phối hợp thực hiện vào năm 2002, đã đào hố thám sát phía nam viện Thuận Huy. Phần nền móng cho biết viện Thuận Huy có chiều dài 17,26m, chiều rộng 28,60m, diện tích mặt bằng là 493,636m². Qua thám sát khảo cổ học trường lang phía tây, từ chái tây bắc điện Càn Thành sang Gia Tường Môn (trường lang HL-04) cho thấy phía bắc trường lang có trở hai cửa sang khu vực viện Đoan Huy và Đoan Trang, hiện nay chỉ là khu đất trống. Các viện khác cũng chỉ còn là phế tích, cỏ dại xâm lấn.

Lục Viện khi đang còn nguyên vẹn là một tập hợp công trình kiến trúc có giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật cao, phản ánh nền văn hóa cung đình độc đáo, góp phần cùng nhiều công trình khác tạo nên một quần thể kiến trúc nghệ thuật của Tử Cấm Thành. Bởi khu vực Tử Cấm Thành được quy hoạch và xây dựng theo nguyên lý truyền thống và tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc phong thủy phương Đông. Các công trình đều có sự liên hệ và gắn kết với nhau để tạo nên một chỉnh thể thống nhất.

Lục Viện còn là nơi thể hiện phong phú nhất đời sống nơi cung cấm, vì thế các công trình kiến trúc thuộc Lục Viện không chỉ có giá trị về mặt lịch sử, kiến trúc nghệ thuật mà còn có ý nghĩa xã hội rất lớn. Bất kỳ một triều đại phong kiến nào, cuộc sống sinh hoạt của hoàng gia đều nằm trong Tử Cấm Thành, đặc biệt khu vực Lục Viện - nơi ăn ở của các cung phi mỹ nữ nên ít người được đặt chân đến, ngoại trừ các thái giám. Vì thế, Lục Viện có một vị trí quan trọng trong đời sống cung đình, là một phần không thể thiếu trong đời sống của các vị vua triều Nguyễn.

Khu vực Tử Cấm Thành trong Hoàng cung Huế hiện nay có rất nhiều không gian trống, mặc dù trước đây là nơi tập trung rất nhiều công trình kiến trúc, trong đó có Lục Viện là tinh hoa của nghệ thuật kiến trúc cung đình Nguyễn. Những vết tích còn lại luôn có sức hấp dẫn, lôi cuốn du khách và các nhà nghiên cứu lịch sử, kiến trúc. Vì thế, cần bảo tồn, tôn tạo khu di tích Lục Viện để thấy được giá trị, vai trò của di tích này trong tổng thể kiến trúc Tử Cấm Thành. Đồng thời, đây sẽ là một địa điểm quan trọng để giới thiệu về đời sống cung đình Nguyễn, nâng cao giá trị khai thác du lịch cho di tích Hoàng cung của cố đô Huế.

Năm 2003, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế đã thực hiện dự án *Tu bổ phục hồi hệ thống hành lang và bảo tồn hệ thống nền móng cung điện trong Tử Cấm Thành Huế*, hiện nay hành lang (HL-04) đi qua khu Lục Viện đã hoàn tất. Đây là một thuận lợi lớn khi thực hiện phục hồi khu di tích Lục Viện, vì các viện hầu hết đều nằm hai bên hành lang này.

Việc phục hồi khu di tích Lục Viện là cần thiết, nhằm trả lại những kiến trúc vốn có trong Tử Cấm Thành theo tinh thần của Quyết định 105/TTg ngày 12/2/1996 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt dự án *Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di tích Cố đô Huế 1996-2010*. Mặt khác, nó còn có giá trị thiết thực khi sử dụng khu di tích này để tái hiện đời sống sinh hoạt của cung phi mỹ nữ ngày xưa trong lễ hội Đêm Hoàng cung, lễ hội do Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế tổ chức hàng tháng nhằm tạo nên sự hấp dẫn cho du khách khi đến Huế.

L T T

CHÚ THÍCH

- (1) *Cố cung - Những giá trị lịch sử, văn hóa*, Công ty Văn hóa quốc tế xuất bản, Bản tiếng Hoa, Bắc Kinh, 1994, tr. 86.
- (2) Nội Các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1993, tr. 13, 37.
- (3) *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Sdd, tr. 13, 23, 24, 38.
- (4) *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Sdd, tr. 6, 258, 259.
- (5) *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Sdd, tr. 13, 38, 42.
- (6) *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Sdd, tr. 13, 39.
- (7) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Bản dịch của Viện Sử học, tập V, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2005, tr. 49.
- (8) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Sdd, tập XXIII, tr. 34.

- (9) *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Sdd, tr. 13, 24, 41, 43.
- (10) Nguyễn Bá Chí, "Tuồng trình về tình trạng Hoàng cung ở Huế đến ngày 14 tháng 9 năm 1947", Tạp chí *Dân Việt Nam*, số 1, tháng 5/1948, Viện Đông phương Bắc cổ xuất bản, tr. 77-79.
- (11) *Minh Mạng chính yếu*, tập I, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, Sài Gòn, 1972, tr. 37.
- (12) Dẫn theo Tôn Thất Bình, *Đời sống trong Tử Cấm Thành*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2009, tr. 47.
- (13) Nội Các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb Giáo Dục, Hà Nội, 2005, tập III, tr. 138.
- (14) *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, Sdd, tập II, tr. 84-85.
- (15) *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Sdd, tập 6, tr. 161.
- (16) *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Sdd, tập 6, tr. 191-192.
- (17) *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, Sdd, tập II, tr. 179-180.
- (18) Phỏng vấn bà Lê Thị Dinh, 89 tuổi ở phủ Tùng Thiện Vương, 179 Phan Đình Phùng, Huế.
- (19) Nguyễn Bá Chí, Bdd, tr. 77-79.
- (20) Phỏng vấn bà Lê Thị Dinh, 89 tuổi ở phủ Tùng Thiện Vương, 179 Phan Đình Phùng, Huế.

TÓM TẮT

Lục Viện bao gồm các viện được các vua nhà Nguyễn cho lần lượt xây dựng làm nơi ăn chốn ở cho các bà phi tần trong Tử Cấm Thành. Tùy theo từng thời kỳ mà số lượng các viện thay đổi, nhiều nhất là dưới thời Thiệu Trị có 11 viện và 1 điện. Lục Viện được xem là một thế giới riêng biệt dành cho cuộc sống của các cung phi trong cung cấm, ngăn cách họ với thế giới bên ngoài.

Di tích Lục Viện khi còn nguyên vẹn có tới 12 viện, điện, nhưng trong thời gian tồn tại gần 200 năm, do sự tác động của thời gian, điều kiện khí hậu khắc nghiệt, chiến tranh, con người đã làm cho nhiều công trình bị hư hỏng. Hiện nay, Lục Viện chỉ tồn tại dưới dạng phế tích, chỉ còn một vài viện có hình hài của nền móng mà thôi. Lục Viện là khu di tích có vai trò quan trọng, nơi thể hiện sinh động nhất đời sống nơi cung cấm bên trong Tử Cấm Thành. Vì thế, việc bảo tồn và khôi phục khu di tích Lục Viện sẽ góp phần không chỉ là hoàn nguyên các giá trị kiến trúc nghệ thuật của công trình mà còn trả lại phần hồn cho khu vực Tử Cấm Thành.

ABSTRACT

THE SIX HAREMS AND CONCUBINES IN THE FORBIDDEN PURPLE CITY OF NGUYỄN'S DYNASTY

The Six Harems include the constructions gradually built under the Nguyễns for the accommodation of imperial concubines in the Forbidden Purple City. The number of harems changed as the passage of time. Especially under the reign of Thiệu Trị emperor, there existed 11 harems and a main hall. The Six Harems was considered as a private world for imperial concubines. It prevents them from the external life.

Originally, the Six Harems consisted of 12 harems, main halls. Nonetheless, after approximately 200 years, with the influences of time, severe weather condition, war, and those of human, many constructions were downgraded. Currently, the Six Harems is seen as destructive vestiges, only some bases of which remain. The Six Harems played a very important role. It expresses most vividly the imperial live inside the Forbidden Purple City. Hence the preservation as well as restoration for the relic will not only revive its architectural values, but also reborn the soul for the Forbidden Purple City.